

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 17 – 6 – 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT – TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lệ Thanh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị CH

2. Ông Nguyễn Thành Lam

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Văn Tuấn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

***-Nguyên đơn:*** **Chị Đinh Thị Quỳnh CH** - sinh năm: 1988;

Hộ khẩu thường trú: ấp BS, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay: ấp NS, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

***-Bị đơn:*** **Anh Trần Thu H** - sinh năm: 1976;

Địa chỉ: ấp BS, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị CH có mặt, anh H vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Đinh Thị Quỳnh CH trình bày:***

Chị và anh H quen nhau khoảng 2 năm thì đi đến hôn nhân, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã QT vào năm 2007. Đây là hôn nhân lần đầu của chị CH, hôn nhân lần đầu của anh H.

Sau khi đăng ký kết hôn xong vợ chồng chưa có về chung sống với nhau. Khoảng 1 năm sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng mới tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và mới về chung sống với nhau. Về chung sống cùng nhau tại căn nhà của bố mẹ chồng (bố chồng thì đã mất lúc chồng 15 tuổi, mẹ chồng cũng mất bên Mỹ mất vào năm 2010) tại C1/055 ấp BS, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Sống chung cho tới tháng 10/2019 là chấm dứt, chị ra phòng trọ ở luôn cho đến bây giờ, anh H thì vẫn ở tại căn nhà đó. Lý do vợ chồng ở riêng: Do anh H say rượu là đuổi chị đi ra khỏi nhà, nhiều lần như vậy nhưng chị không đi mãi cho đến lần cuối cùng là tháng 10/2019 là chị dọn đồ đi ra khỏi căn nhà đó luôn cho tới nay. Nguyên nhân chị bỏ đi là do anh H say không kiểm soát được bản thân nên có những lời nói và hành vi không pH với chị. Anh H chăn nuôi vịt, trong quá trình chung sống từ khi kết hôn cho đến nay anh không đưa tiền cho chị để lo cho kinh tế gia đình. Trong quá trình chung sống anh H vẫn thường hay đánh đập chị. Bản thân chị CH nhận thấy trong quá trình chung sống chị không làm gì sai trái với anh H. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ có vợ chồng biết, gia đình và chính quyền địa phương cũng không ai biết, chưa có lần nào vợ chồng nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra trong gia đình nên xã hội cũng không ai biết. Những lần anh đánh cũng không để lại thương tích gì, chị cũng không nhập viện. Mâu thuẫn thực tế trong đời sống hôn nhân ra sao thì chị khai đúng như vậy, chứ chị không có tài liệu chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án để chứng minh là lời trình bày của chị là đúng. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh H, vì vợ chồng không ở với nhau được nữa, từ khi chị ra phòng trọ ở cho đến nay anh H không lui tới, chị CH cũng không lui tới thăm nom anh H. Vợ chồng bỏ mặc nhau từ tháng 10/2019 cho đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Anh Q - sinh ngày 13/9/2009. Hiện cháu Q ở với chị vào ban ngày, ở với anh H vào ban đêm. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, về nợ: Chị không yêu cầu, vợ chồng không nợ chung.

\* Bị đơn anh Trần Thu H vắng mặt tại phiên tòa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh không lên làm việc, không trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ.

\* Ý kiến của cháu Trần Anh Q: Cháu Q cho biết cháu đang ở với mẹ, cháu đang học lớp 6 trường trung học cơ sở Thăng Long, trong cuộc sống hàng ngày cha và mẹ đều quan tâm chăm sóc cho cháu, nhưng nguyện vọng của cháu là được ở trực tiếp với mẹ.

\* Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện TN, xác minh về hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh tranh chấp: Chính quyền địa phương, ban áp không nhận được đơn trình của chị CH, anh H nhờ chính quyền địa phương can thiệp hòa giải. Trưởng ấp BS cho biết vợ chồng chị CH và anh H sau kết hôn sinh

sống tại căn nhà C1/055 ấp BS, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nhưng khoảng hơn một năm nay chỉ thấy anh H sinh sống tại địa chỉ trên, còn chị CH bỏ đi đâu sống ban ấp không rõ. Trong quá trình chung sống giữa chị CH và anh H xảy ra mâu thuẫn cụ thể thế nào ban ấp không rõ.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp: đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị CH, con chung giao cho chị CH trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chung chị CH không yêu cầu nên không giải quyết, Về tài sản, về nợ chung không giải quyết do đương sự không có yêu cầu; về án phí chị CH pH chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về các tình tiết của vụ án như sau:***

#### **[1] Xét về thẩm quyền giải quyết:**

Nguyên đơn chị CH khởi kiện ly hôn với bị đơn là anh Trần Thu H. Anh Trần Thu H hiện đang sinh sống tại số nhà ấp BS, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

#### **[2] Xét về sự vắng mặt của anh H:**

Anh H là bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### **[3] Xét quy định pháp luật được áp dụng khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị CH:**

Chị CH, anh H xác lập quan hệ hôn nhân trên do anh chị tự nguyện quyết định; thời điểm kết hôn vào ngày 17/12/2007 chị CH được 19 tuổi, anh H được 31 tuổi là đủ độ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở yêu thương nhau, tự nguyện với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định. Đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai vào ngày 17/12/2007, số đăng ký kết hôn số 195, đúng theo quy định pháp luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Căn cứ vào Điều 4, Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có căn cứ để xác định hôn nhân giữa anh H và chị CH có giá trị pháp lý, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

#### **[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị CH:**

Theo quy định tại các Điều 17, 18, 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp; Các quyền, nghĩa vụ về nhân thân của vợ, chồng được tôn trọng và bảo vệ.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật có căn cứ xác định chị CH, anh H trong đời sống chung của vợ chồng, có xảy ra mâu thuẫn, cho đến 10/2019 thì không sống chung với nhau, anh H vẫn ở tại căn nhà của vợ chồng, còn chị CH thì bỏ ra ngoài ở. Từ lúc chị CH bỏ đi đến nay hơn 1 năm rưỡi, trong một năm rưỡi qua vợ chồng không quan tâm chăm sóc gì đến nhau, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống.

Từ những phân tích trên có căn cứ để kết luận vợ chồng đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không được, do anh H đều vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của chị CH là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị CH được ly hôn.

#### **[5] Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị CH:**

Chị CH và anh H có một con chung là: Trần Anh Quân, sinh ngày 13/9/2009.

Cháu Quân hiện sống với chị CH. Cháu Quân hiện được chăm sóc, nuôi dạy tốt. Cháu Quân có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ không sống với nhau. Trong suốt quá trình giải quyết anh H cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị CH.

Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị CH, giao cho chị CH được trực tiếp nuôi cháu Trần Anh Quân là phù hợp quy định của pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Yêu cầu giải quyết về nợ chung: Theo chị CH là không có nợ ai.

[7] Yêu cầu giải quyết về tài sản chung: Chị CH không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị CH phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TN tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 4, 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 17, 18, 19, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107; 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

#### ***Tuyên xử:***

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Quỳnh CH về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Trần Thu H.**

– Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Quỳnh CH và anh Trần Thu H.

– Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị Quỳnh CH được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Trần Anh Q – sinh ngày 13/9/2009.

– Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không giải quyết.

– Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

#### **2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn:**

Anh H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với mẹ, có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. (Theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình)

Chị CH trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; Chị CH và gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

**2. Về nghĩa vụ chịu án phí:** Chị CH pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006280 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Đồng Nai. Chị CH đã nộp đủ án phí.

#### **3. Về quyền kháng cáo:**

Chị CH được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. TN;
- Chi cục THADS H. TN;
- UBND xã QT, H. TN  
(Số đăng ký kết hôn: 195, ngày 17/12/2007);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Lệ Thanh**